

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **231/2025/DS-ST**
Ngày 10-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Minh

Bà Lê Trường An

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1970 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp L, xã T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị N (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp L, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày: Ngày 15/10/2015, bà Trần Thị T thỏa thuận vay của người khác số tiền 40.000.000 đồng cho bà Hồ Thị N, lãi suất mỗi tháng 1.200.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng. Bà N có làm giấy thỏa thuận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 002337, diện tích 10.420m², thuộc thửa số 0201 và 0202, tờ bản đồ số 9, phần đất hiện nay tọa lạc tại ấp L, xã T, tỉnh Cà Mau được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 20/01/1995 đứng tên Nguyễn Văn L. Sau khi vay đến nay, bà N không đưa tiền đóng lãi và đến hạn cũng không trả vốn. Nay bà T yêu cầu bà N trả lãi theo quy định của pháp luật là 20%/năm, tương ứng mỗi năm 8.000.000 đồng x 10 năm = 80.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà N trả tổng số tiền 120.000.000 đồng, bà T đồng ý trả lại cho bà N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Hồ Thị N đúng theo quy định pháp luật, nhưng bà N vẫn không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Hồ Thị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T, thấy rằng: Tại văn bản ngày 15/10/2015, thể hiện: “Tôi là Hồ Thị N, tôi có mượn chế T hỏi giùm tiền bốn chục triệu đồng, có thể cuốn sổ đỏ” do bà Hồ Thị N viết tên và ghi họ tên phần cuối văn bản, có xác nhận của Trưởng ấp L là ông Nguyễn Văn M và chữ ký của ông M được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau xác nhận ngày 12/7/2016. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bà N vắng mặt và cũng không có văn bản phản bác đối với chứng cứ này, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, theo nội dung văn bản nêu trên, bà N có nhờ bà T vay số tiền 40.000.000 đồng, nay bà T yêu cầu bà N trả lại số tiền này là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của bà Trần Thị T đối với khoản lãi: Việc bà N nhờ bà T vay giùm số tiền 40.000.000 đồng là thực tế như đã phân tích trên. Sau khi vay, bà T đã thanh toán vốn và lãi thay cho bà N nhưng đến nay đã 10 năm, bà N vẫn không thanh toán lại. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N vắng mặt, không có văn bản yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện và nguyên đơn cũng không đề nghị áp dụng thời hiệu. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ áp dụng thời hiệu khởi kiện trong vụ án này. Tại phiên tòa, bà T xác định vào năm 2012 bà N đã nhờ vay số tiền 40.000.000 đồng, sau đó ngày 15/10/2015 các bên lập văn bản thỏa thuận và trong khoảng thời gian 03 năm, bà đã thanh toán lãi thay cho bà N là 8.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà N thanh toán lãi bình quân 03 năm bằng 8.000.000 đồng, tương ứng 10 năm là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Cụ thể: $8.000.000 \text{ đồng} / 03 \text{ năm} \times 10 \text{ năm} = 26.666.000 \text{ đồng}$.

[4] Theo văn bản thỏa thuận ngày 15/10/2015, bà N có giao cho bà T giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Văn L. Tại phiên tòa, bà T đồng ý trả lại cho bà N bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà N trả tổng số tiền 66.666.000 đồng (Trong đó: Vốn gốc là 40.000.000 đồng, lãi là 26.666.000 đồng). Bà T có nghĩa vụ trả cho bà N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 002337, diện tích 10.420m²,

thuộc thửa số 0201 và 0202, tờ bản đồ số 9, phân đất hiện nay tọa lạc tại ấp L, xã T, tỉnh Cà Mau được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 20/01/1995 đứng tên Nguyễn Văn L.

[6] Về quyền kháng cáo: Trong quá trình diễn ra phiên tòa đến khi kết thúc tranh luận tại phiên tòa, bà Trần Thị T có mặt và xin vắng mặt khi Tòa án tuyên án được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là: $66.666.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.333.300 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 463 của Bộ luật Dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. Buộc bà Hồ Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T tổng số tiền 66.666.000 (sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng (Trong đó: Số tiền vốn 40.000.000 đồng, khoản lãi 26.666.000 đồng).

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Buộc bà Trần Thị T trả lại cho bà Hồ Thị N bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 002337, diện tích 10.420m² thuộc thửa số 0201 và 0202, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp L, xã T, tỉnh Cà Mau được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 20/01/1995 đứng tên Nguyễn Văn L.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.333.300 (ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm) đồng, chưa nộp.

Hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 3.000.000 (ba triệu) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0011317 ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Minh Út